

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/DS-ST

Ngày: 15 – 5 – 2026

Về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi
và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 -TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thiện Khiêm;

2. Bà Phan Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90 ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn T M T1, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp B, xã T4, tỉnh T5 (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê T H T2, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã T4, tỉnh T5 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trương M T3, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã T4, tỉnh T5 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2025 và đơn sửa đổi bổ sung ngày 01 tháng 4 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn T M T1 trình bày:

Giữa chị và vợ chồng chị T2, anh T3 không có họ hàng gì chỉ quen biết với

nhau. Chị có tham gia góp hụi do chị T2 chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2022 AL, mãn ngày 20/4/2025, hụi mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm 30 phần, chị tham gia 01 phần tên Gái Son, số thứ tự 16, dây hụi này chị đã đóng hụi sống cho chị T2 được 25 lần đến tháng 11 năm 2024 chị T2 tuyên bố bẻ hụi, dây hụi này chị T2 nợ chị 50.000.000 đồng.

Dây hụi 02: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2022 AL, mãn ngày 20/4/2025, hụi mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm 30 phần, chị tham gia 02 phần, tên Gái Son, số thứ tự 13,14 dây hụi này chị đã đóng hụi sống cho chị T2 được 25 lần đến tháng 11 năm 2024 chị T2 tuyên bố bẻ hụi, dây hụi này chị T2 nợ chị 50.000.000 đồng.

Dây hụi 03: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2022 AL, mãn ngày 10/4/2025, hụi mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm 30 phần, chị tham gia 01 phần dây hụi này chị đã đóng hụi sống cho chị T2 được 26 lần đến tháng 11 năm 2024 chị T2 tuyên bố bẻ hụi, dây hụi này chị T2 nợ chị 52.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T2 còn mượn tiền chị nhiều lần tổng số tiền 105.000.000 đồng.

Tổng cộng chị T2 nợ chị số tiền 257.000.000 đồng, trong quá trình làm việc ngày 01/4/2026 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: chị không yêu cầu chị T2 trả tiền phần hụi của dây hụi thứ 3 dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/10/2022 AL, mãn ngày 10/4/2025 số tiền 52.000.000 đồng và số tiền vay 10.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị T2, anh T3 trả cho chị số tiền 195.000.000 đồng (trong đó tiền hụi 100.000.000 đồng, tiền vay 95.000.000 đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Lê T H T2 trình bày:

Chị T2 và chị T1 không có họ hàng gì, không có mâu thuẫn gì chỉ quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản. Chị T2 làm chủ thảo hụi, chị T1 là hụi viên. Chị T2 làm chủ thảo hụi chị T1 tham gia tổng cộng 02 dây hụi gồm 03 phần hụi tháng như trình bày chị T1.

Tổng cộng chị T2 còn nợ chị T1 số tiền 195.000.000 đồng.

Tháng 11 năm 2024 các hụi viên hốt hụi mà không đăng hụi chết cho chị, chị choàng không nổi nên chị tuyên bố bẻ hụi và chị thống nhất còn nợ chị T1 02 dây hụi 03 phần mà chị T1 tham gia số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra chị còn nợ tiền vay chị T1 95.000.000 đồng, tổng cộng chị nợ chị T1 195.000.000 đồng, nay chị đồng ý cùng anh T3 trả cho chị T1 số tiền 195.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trương M T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia đối chất, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn: thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 và 72 của BLTTDS.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Trương M T3 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định tại điều 70 và 73 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản*” của chị Nguyễn T M T1 đối với chị Lê T H T2, anh Trương M T3.

Buộc chị Lê T H T2, anh Trương M T3 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn T M T1 tổng cộng số tiền 195.000.000 đồng (trong đó tiền góp hội 100.000.000 đồng, tiền vay 95.000.000 đồng). Ghi nhận chị Nguyễn T M T1 không yêu cầu tính lãi suất.

- Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị T1, bị đơn chị T2 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, chị T2 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trương M T3 vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T3 là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị T1 đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là sổ hụi bản chính.

Xét lời trình bày của chị T2: chị T2 thừa nhận sau khi bề hụi chị còn nợ chị T1 số tiền góp hụi 100.000.000 đồng và tiền vay 95.000.000 đồng, tổng cộng là 195.000.000 đồng đây là tình tiết không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị T2 có nợ chị T1 số tiền góp hụi 100.000.000 đồng và tiền vay 95.000.000 đồng, tổng cộng là 195.000.000 đồng do chị T2 là chủ hụi bị bề hụi chưa thanh toán lại cho chị T1 số tiền 100.000.000 đồng là vi phạm Điều 18, Điều 23. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

Ngoài ra chị T2 thừa nhận có mượn tiền chị T1 nhiều lần tổng cộng là 105.000.000 đồng chị có trả cho chị T1 10.000.000 đồng, còn nợ 95.000.000 đồng, như vậy quan hệ vay tiền giữa chị T2 với chị T1 là có thật phù hợp với quy định về hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ thấy rằng: chị T2 trình bày chị làm chủ hụi và vay tiền của chị T1, anh T3 chồng chị không biết. Tuy nhiên, chị T2 trình bày chị làm chủ thảo hụi và vay tiền nhằm mục đích sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, T3 bỏ chi phí sinh hoạt gia đình do chị T2 lo. Anh Trương M T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia đối chất, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có cơ sở nhận định anh T3 biết mà không phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1. Do đó, việc chị T1 yêu cầu anh T3 cùng chị T2 trả tiền góp hụi và vay là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T1 không yêu cầu tính lãi đối với tiền góp hụi và số tiền vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Chị T2 đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị T1 nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị T1 không đồng ý và cũng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy có căn cứ buộc chị T2, anh T3 có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền 195.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị T1 được chấp nhận nên chị T2, anh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí được tính như sau:

$195.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.750.000$ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn T M T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.425.000 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003578, ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T M T1 đối với chị Lê T H T2 và anh Trương M T3 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Lê T H T2 và anh Trương M T3 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn T M T1 số tiền vay và tiền hội là 195.000.000 (Một trăm chín mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn T M T1 không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T M T1 đối với số tiền 62.000.000 đồng (trong đó tiền góp hội 52.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê T H T2 và anh Trương M T3 phải chịu 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn T M T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.425.000 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003578, ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: chị T1, chị T2, anh T3 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12- Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12- Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Hảnh